

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Số 26, ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai,  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28

W  
N  
C  
P

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Số 26, ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai,  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Ủy viên
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Ủy viên
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên
Ông Lee SangSeok	Ủy viên
Ông Phó Đức Giang	Ủy viên
Ông Phạm Thanh Hải	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Sài Gòn
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Số 26, ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai,  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



---

**Nguyễn Khánh Trình**  
**Giám đốc**

*Ngày 27 tháng 8 năm 2019*

11  
IN  
HI  
LC  
T  
A



Số: 0829 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Clever Group

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2019, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 29 tháng 3 năm 2019 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 16 tháng 8 năm 2018 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 8 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>111.649.586.249</b>	<b>97.051.077.942</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>9.017.776.774</b>	<b>14.085.495.324</b>
1. Tiền	111		9.017.776.774	14.085.495.324
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>57.764.616.247</b>	<b>41.706.182.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		57.764.616.247	41.706.182.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>44.287.947.953</b>	<b>40.611.544.126</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	26.679.603.828	25.577.016.383
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.188.841.254	344.350.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	3.500.000.000	6.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.354.661.603	8.190.177.743
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(435.158.732)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>565.025.127</b>	<b>553.951.581</b>
1. Hàng tồn kho	141		565.025.127	553.951.581
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.220.148</b>	<b>93.904.911</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	8.990.148	21.393.031
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.230.000	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	72.511.880
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.150.320.498</b>	<b>23.023.664.944</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>323.127.500</b>	<b>323.127.500</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		323.127.500	323.127.500
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.403.776.065</b>	<b>7.060.960.949</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.403.776.065	7.060.960.949
- Nguyên giá	222		12.152.150.636	12.152.150.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.748.374.571)	(5.091.189.687)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>8.504.095.553</b>	<b>8.504.095.553</b>
- Nguyên giá	231		8.504.095.553	8.504.095.553
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>9.554.753.755</b>	<b>5.444.753.755</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		3.454.753.755	1.754.753.755
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.100.000.000	3.690.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.364.567.625</b>	<b>1.690.727.187</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.364.567.625	1.690.727.187
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>117.799.906.747</b>	<b>120.074.742.886</b>
<b>(270=100+200)</b>				

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**Số 26, ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.**MẪU SỐ B 01a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>41.468.124.856</b>	<b>33.531.053.628</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>41.468.124.856</b>	<b>33.531.053.628</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 14	16.047.952.988	17.003.860.004
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 15	8.965.499.925	3.559.970.366
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 13	4.880.863.934	8.677.893.020
4. Phải trả người lao động	314	-	2.166.442.432
5. Phải trả ngắn hạn khác	319 16	3.507.174.012	2.122.887.806
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 17	8.066.633.997	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>96.331.781.891</b>	<b>86.543.689.258</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 18</b>	<b>96.331.781.891</b>	<b>86.543.689.258</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	153.686.182	1.324.369.903
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	41.038.678.333	30.226.647.130
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	30.226.647.130	10.130.404.496
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	10.812.031.203	20.096.242.634
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	5.139.417.376	4.992.672.225
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>137.799.906.747</b>	<b>120.074.742.886</b>



Nguyễn Thị Hồi  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Trình  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>156.144.898.550</b>	<b>155.971.719.384</b>
<b>2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>		<b>156.144.898.550</b>	<b>155.971.719.384</b>
3. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11		133.905.419.670	135.531.430.420
<b>4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>22.239.478.880</b>	<b>20.440.288.964</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.169.329.729	2.233.156.795
6. Chi phí tài chính	22		5.028.553	164.609.912
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.028.553	-
7. Chi phí bán hàng	25	23	5.224.286.709	4.620.753.820
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	4.833.437.508	4.451.428.051
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>14.346.055.839</b>	<b>13.436.653.976</b>
10. Thu nhập khác	31		3.143.516	1
11. Chi phí khác	32		313.292.526	349.119.108
<b>12. (Lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(310.149.010)</b>	<b>(349.119.107)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>14.035.906.829</b>	<b>13.087.534.869</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	3.077.130.475	2.780.798.325
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>10.958.776.354</b>	<b>10.306.736.544</b>
15.1. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	61		10.812.031.203	10.317.481.744
15.2. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		146.745.151	(10.745.200)
<b>16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>25</b>	<b>2.162</b>	<b>2.063</b>

**Nguyễn Thị Hồi**  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



**Nguyễn Khánh Trình**  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2019



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>14.035.906.829</b>	<b>13.087.534.869</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	657.184.884	456.811.402
Các khoản dự phòng	03	435.158.732	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(14.332.618)	160.056.917
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.156.718.396)	(2.043.113.537)
Chi phí lãi vay	06	5.028.553	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>12.962.227.984</b>	<b>11.661.289.651</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.767.257.432)	1.359.047.291
Thay đổi hàng tồn kho	10	(11.073.546)	-
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.765.495.373	(18.075.215.661)
Thay đổi chi phí trả trước	12	405.844.325	(62.309.844)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.028.553)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.201.168.251)	(3.073.557.354)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.149.039.900</b>	<b>(8.190.745.916)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.929.092.754)	(4.473.960.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	90.909.091
3. Tiền chi cho vay	23	(50.890.000.000)	(20.984.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	32.074.900.000	18.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.700.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	1.490.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay	27	1.669.079.022	761.992.457
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(25.285.113.732)</b>	<b>(6.105.058.452)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	14.766.633.997	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.700.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>8.066.633.997</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(5.069.439.835)</b>	<b>(14.295.804.368)</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>14.085.495.324</b>	<b>22.355.246.777</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.721.285	(3.120.968)
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>9.017.776.774</b>	<b>8.056.321.441</b>

Nguyễn Thị Hồi  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Trinh  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**Số 26, ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Quảng cáo Thông minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 ngày 04 tháng 08 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 16 ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 103 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 113 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Cổng thông tin (trừ loại Nhà nước cấm);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 - 845, CPC 849);
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ Telex (CPC 7523);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (CPC 8676 ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Cấu trúc Công ty bao gồm các chi nhánh trong nước, các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 03 chi nhánh trực thuộc tại Hà Nội, Đà Nẵng, Sài Gòn.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động
		%	%		
<b>Công ty con</b>					
Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Hoạt động tư vấn quản lý khác	Hoạt động lỗ trong kỳ
Công ty Cổ phần Review Thông minh	Việt Nam	70	70	Quảng cáo	Hoạt động có lãi trong kỳ
Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	95	95	Kinh doanh dịch vụ quảng cáo	Tạm ngừng hoạt động
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động	Hoạt động lỗ trong kỳ
Công ty Cổ phần ADOP Việt Nam	Việt Nam	40	40	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	Hoạt động lỗ trong kỳ



**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất soát xét giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.

Một số số liệu của báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như trình bày tại Thuyết minh 29.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Cơ sở chuyển đổi báo tài chính của công ty con**

Công ty PT CleverAds – Công ty con của Công ty sử dụng Rupiah (IDR) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty PT CleverAds cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được lập bằng Rupiah (IDR) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.



### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần góp vốn của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại biệt thự LK4 - SL40, Lô TT96-9, khu đất phía Đông Nam dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và phần mở rộng khu B (Vinhomes Thăng Long) thuộc xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	646.996.057	649.601.715
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.370.780.717	13.435.893.609
	<b><u>9.017.776.774</u></b>	<b><u>14.085.495.324</u></b>





**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Phương Đông	4.007.179.852	279.159.250
Công ty Cổ phần Giải trí và Thể thao Điện tử Việt Nam	3.122.025.187	1.335.305.771
Công ty TNHH Grabtaxi	2.671.595.838	4.272.294.445
Công ty TNHH GPAY Network Việt Nam	1.683.718.737	1.033.099.054
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tân Hiệp Phát	1.491.204.505	1.285.690.647
Công ty TNHH The One Marketing Việt Nam	757.625.000	908.325.000
Công ty Cổ phần Bạch Minh	313.270.640	762.335.038
Công ty TNHH Một thành viên TV Cộng	265.604.305	782.711.017
Các khách hàng khác	12.367.379.764	14.918.096.161
	<b><u>26.679.603.828</u></b>	<b><u>25.577.016.383</u></b>
<b>Phải thu khách hàng các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	<b><u>513.571.957</u></b>	<b><u>-</u></b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	3.500.000.000	6.500.000.000
	<b><u>3.500.000.000</u></b>	<b><u>6.500.000.000</u></b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có khoản phải thu về cho vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt theo các hợp đồng vay vốn với thời hạn 3 tháng, lãi suất 9%/năm. Khoản phải thu về cho vay đầu kỳ đã nhận thanh toán toàn bộ trong kỳ.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
Phải thu từ ông Nguyễn Khánh Trình	2.365.023.500	2.641.833.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	291.276.345	227.696.163
Lãi dự thu tiền cho vay	22.808.219	22.000.000
Lãi dự thu trái phiếu có kỳ hạn	1.079.152.317	1.372.575.137
Phải thu thuế GTGT nhà thầu	-	1.376.953.764
Phải thu khác	2.596.401.222	2.549.119.679
	<b><u>6.354.661.603</u></b>	<b><u>8.190.177.743</u></b>
<b>Phải thu khác từ các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	<b><u>2.365.023.500</u></b>	<b><u>2.641.833.000</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

**9. NỢ XẤU**

	Giá gốc (VND)	Số cuối kỳ		Giá gốc (VND)	Số đầu kỳ	
		Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)		Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Mumi Việt Công ty TNHH Khu Du lịch Vịnh Thiên Đường	10.330.380 45.100.000	- -	10.330.380 45.100.000	10.330.380 45.100.000	10.330.380 45.100.000	- -
CÔNG TY TNHH Gogala	50.913.079	25.456.540	25.456.539	50.913.079	50.913.079	-
Công Ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công trình nghi dưỡng S.P.A	31.350.000	15.675.000	15.675.000	31.350.000	31.350.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	29.018.181	12.436.364	41.454.545	41.454.545	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt thự	20.745.958	-	20.745.958	20.745.958	20.745.958	-
Công Ty TNHH Ila Việt Nam	66.734.809	46.714.366	20.020.443	66.734.809	66.734.809	-
Công Ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	89.444.768	-	89.444.768	89.444.768	89.444.768	-
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Minh Thành Phát	195.949.280	-	195.949.280	195.949.280	195.949.280	-
	<b>552.022.819</b>	<b>116.864.087</b>	<b>435.158.732</b>	<b>552.022.819</b>	<b>552.022.819</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu cứ theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị dự phòng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.990.148	21.393.031
	<b>8.990.148</b>	<b>21.393.031</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	680.493.349	849.457.291
Chi phí sửa chữa văn phòng	663.564.611	776.722.681
Khác	20.509.665	64.547.215
	<b>1.364.567.625</b>	<b>1.690.727.187</b>

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	11.815.557.181	336.593.455	12.152.150.636
Số dư cuối kỳ	11.815.557.181	336.593.455	12.152.150.636
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	4.809.568.669	281.621.018	5.091.189.687
Khấu hao trong kỳ	644.404.884	12.780.000	657.184.884
Số dư cuối kỳ	5.453.973.553	294.401.018	5.748.374.571
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	7.005.988.512	54.972.437	7.060.960.949
Tại ngày cuối kỳ	6.361.583.628	42.192.437	6.403.776.065

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.430.247.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.430.247.000 VND).

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ	8.504.095.553
Số dư cuối kỳ	8.504.095.553
<b>TỶN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ</b>	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu kỳ	8.504.095.553
Tại ngày cuối kỳ	8.504.095.553

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại biệt thự LK4 - SL40, Lô TT96-9, khu đất phía Đông Nam dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và phần mở rộng khu B (Vinhomes Thăng Long) thuộc xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Do đây là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá nên Công ty không thực hiện trích khấu hao. Trong kỳ cũng không phát sinh bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư mà Công ty đang nắm giữ bị giảm giá so với giá thị trường.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp /khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.932.315.131	19.691.282.148	20.377.875.312	2.245.721.967
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.750.009.326	3.077.130.475	4.201.168.251	2.625.971.550
Thuế thu nhập cá nhân	67.467.035	89.712.136	148.008.754	9.170.417
Các loại thuế khác	1.928.101.528	-	1.928.101.528	-
	<b>8.677.893.020</b>	<b>22.858.124.759</b>	<b>26.655.153.845</b>	<b>4.880.863.934</b>

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Facebook Ireland	14.192.124.402	14.192.124.402	13.913.297.904	13.913.297.904
Công ty TNHH Google Ireland	1.793.664.476	1.793.664.476	2.855.890.445	2.855.890.445
Các đối tượng khác	62.164.110	62.164.110	234.671.655	234.671.655
	<b>16.047.952.988</b>	<b>16.047.952.988</b>	<b>17.003.860.004</b>	<b>17.003.860.004</b>



## 15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty Cổ phần Viện mắt Quốc tế Việt - Nga	1.801.800.000	-
Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lài	568.831.860	626.294.086
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Việt	542.881.900	-
Đại học Quốc gia Hà Nội	541.217.600	24.640.000
Công ty Cổ phần Tích hợp Dịch vụ số	174.900.000	233.200.000
Các đối tượng khác	5.335.868.565	2.675.836.280
	<b><u>8.965.499.925</u></b>	<b><u>3.559.970.366</u></b>

## 16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Kinh phí công đoàn	155.859.012	157.762.806
Phải trả tiền mua lại cổ phần công ty con	3.351.315.000	1.965.125.000
	<b><u>3.507.174.012</u></b>	<b><u>2.122.887.806</u></b>
<b>Phải trả khác là bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	3.351.315.000	1.965.125.000
	<b><u>3.351.315.000</u></b>	<b><u>1.965.125.000</u></b>

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND					
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (i)	-	-	8.066.633.997	-	8.066.633.997	8.066.633.997
Vay bên liên quan (ii)	-	-	6.700.000.000	6.700.000.000	-	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	-	-	<b>14.766.633.997</b>	<b>6.700.000.000</b>	<b>8.066.633.997</b>	<b>8.066.633.997</b>

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 002/2019-HĐCVHM/NHCT140-CLEVERADS ký ngày 03 tháng 6 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 32.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2019. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 06.103/2019/HĐĐB/NHCT140-NGUYENKHANHTRINH ký ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Khánh Trình. Khoản vay có thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 4%/năm.

(ii) Khoản vay ngắn hạn theo các Hợp đồng cho vay trong kỳ giữa ông Nguyễn Khánh Trình và Công ty, các khoản vay nhằm mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh, có thời hạn 01 tháng, không chịu lãi suất và đã được tất toán toàn bộ trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu kỳ trước	35.345.600.000	490.825.697	(2.033.974.217)	24.662.678.697	58.465.130.177	
Tăng vốn trong kỳ	14.654.400.000	-	-	(14.654.400.000)	-	
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	(10.745.200)	-	10.317.481.744	10.306.736.544	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(7.447.860)	3.497.337.991	-	3.497.337.991	
Giảm khác	-	(7.447.860)	(160.056.917)	(132.897.595)	(300.402.372)	
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>472.632.637</b>	<b>1.303.306.857</b>	<b>20.192.862.846</b>	<b>71.968.802.340</b>	
Số dư đầu kỳ này	50.000.000.000	4.992.672.225	1.324.369.903	30.226.647.130	86.543.689.258	
Lợi nhuận trong kỳ	-	146.745.151	-	10.812.031.203	10.958.776.354	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(1.170.683.721)	-	(1.170.683.721)	
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>5.139.417.376</b>	<b>153.686.182</b>	<b>41.038.678.333</b>	<b>96.331.781.891</b>	

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 50.000.000.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	%	VND	VND
Nguyễn Khánh Trình	31.402.470.000	62,8%	31.402.470.000	31.402.470.000
Yello Digital Marketing Global Pte Ltd	16.752.840.000	33,5%	16.752.840.000	16.752.840.000
Dư Khắc Châu	1.093.460.000	2,2%	1.093.460.000	1.093.460.000
CyberAgent Ventures Inc.	751.230.000	1,5%	751.230.000	751.230.000
	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Ngoại tệ</b>		
Đô la Mỹ ("USD")	4.361	1.281

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 6 tháng kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, hoạt động này diễn ra tại Việt Nam. Trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty không có bất kỳ doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận giữa niên độ theo khu vực địa lý.



21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	532.523.653	302.642.498
Chi phí nhân công	9.905.600.037	9.859.254.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	657.184.884	456.811.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.734.670.763	133.755.715.657
Chi phí khác bằng tiền	312.787.048	289.103.184
	<b>144.142.766.385</b>	<b>144.663.527.683</b>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	2.156.718.396	2.233.156.795
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	12.611.333	-
	<b>2.169.329.729</b>	<b>2.233.156.795</b>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	1.187.495.000	1.835.540.850
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	532.523.653	302.642.498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	477.562.386	396.896.010
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	435.158.732	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.949.778.887	1.661.770.029
Chi phí khác bằng tiền	250.918.850	254.578.664
	<b>4.833.437.508</b>	<b>4.451.428.051</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	4.805.204.206	4.391.458.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.435.260	221.516.816
Chi phí khác bằng tiền	34.647.243	7.778.770
	<b>5.224.286.709</b>	<b>4.620.753.820</b>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.077.130.475	2.695.883.273
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	84.915.052
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.077.130.475</b>	<b>2.780.798.325</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	14.035.906.829	13.087.534.869
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	283.355.436	176.977.527
<i>Ảnh hưởng hợp nhất báo cáo tài chính</i>	1.066.390.115	214.903.969
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	15.385.652.380	13.479.416.365
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<u>15.385.652.380</u>	<u>13.479.416.365</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>3.077.130.475</u></b>	<b><u>2.695.883.273</u></b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.812.031.203	10.317.481.744
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.812.031.203	10.317.481.744
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.162</u></b>	<b><u>2.063</u></b>

**26. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	524.618.182	-
	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	1.119.810.000	1.154.160.000
Trên 1 năm đến 5 năm	3.452.747.500	4.012.652.500
	<b><u>4.572.557.500</u></b>	<b><u>5.166.812.500</u></b>

Khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu bao gồm tiền thuê sàn văn phòng tầng số 3, tòa nhà G1, Dự án Five Star Garden, số 2 Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội, với tổng diện tích thuê là 407,5 mét vuông, thời hạn thuê trong vòng 5 năm kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2018.



27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nguyễn Khánh Trình	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Kho ứng dụng Thông minh	Đồng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	Đồng chủ sở hữu
CleverAds Philippines Corporation	Đồng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần JobsGO	Đồng chủ sở hữu

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.551.072.680</b>	<b>3.318.038.631</b>
CleverAds Philippines Corporation	5.703.259.314	3.318.038.631
Công ty Cổ phần JobsGo	740.627.234	
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	107.186.132	
<b>Nhận tiền vay/Trả gốc vay</b>	<b>6.700.000.000</b>	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	6.700.000.000	-

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:*

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>513.571.957</b>	-
Công ty Cổ phần JobsGo	513.571.957	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.365.023.500</b>	<b>2.641.833.000</b>
Ông Nguyễn Khánh Trình	2.365.023.500	2.641.833.000
<b>Phải trả khác</b>	<b>3.351.315.000</b>	<b>1.965.125.000</b>
Ông Nguyễn Khánh Trình	3.351.315.000	1.965.125.000

*Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:*

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	688.720.000	798.670.000

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi mới nhất lần thứ 16 ngày 01 tháng 8 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 74.000.000.000 VND và tên Công ty được đổi thành Công ty Cổ phần Clever Group.

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
	VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	35.175.000.000	6.531.182.000	41.706.182.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	10.221.182.000	(6.531.182.000)	3.690.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	8.513.305.243	(323.127.500)	8.190.177.743
Phải thu dài hạn khác	-	323.127.500	323.127.500

Nguyễn Thị Hồi  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Trình  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

